

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU DỪA CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG
THUỘC VÙNG NÚI, VÙNG SÂU, VÙNG XA, HẢI ĐẢO

Năm 2024

MỤC LỤC

I. Đặc điểm của cây dừa Việt Nam.....	3
II. Tình hình xuất khẩu dừa của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024	8
2.1. Tình hình xuất khẩu dừa của Việt Nam.....	8
2.2. Thị trường xuất khẩu dừa	9
III. Đánh giá triển vọng xuất khẩu dừa của Việt Nam trong thời gian tới.....	14
3.1. Dung lượng thị trường nhập khẩu dừa của Trung Quốc	14
+ Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu:	16
3.2. Dự báo xuất khẩu dừa trong thời gian tới.....	17
3.3. Tiêu chuẩn nhập khẩu dừa thị trường Trung Quốc	19

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1:: Kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2024 (ĐVT: triệu USD).....	8
Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu dừa của Việt Nam	10

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thị trường xuất khẩu dừa của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024	11
Bảng 2: Nguồn cung dừa chủ yếu cho thị trường Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024	15
Bảng 3: Các chủng loại dừa nhập khẩu của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024.....	16

I. Đặc điểm của cây dừa Việt Nam

Việt Nam được biết đến là một trong những nước trồng dừa lớn nhất thế giới. Cây dừa tập trung chủ yếu ở vùng duyên hải miền Trung và Nam Bộ, trong đó tỉnh Bến Tre là vùng trồng dừa nổi tiếng nhất. Dừa Bến Tre được ưa chuộng bởi chất lượng cao, quả dừa to, cùi dừa dày và nước dừa ngọt thanh. Dừa Bến Tre cũng được công nhận là sản phẩm chỉ dẫn địa lý, khẳng định thương hiệu và chất lượng của loại đặc sản này.

Diện tích cây dừa Việt Nam và sản lượng đều đứng thứ năm thế giới, năng suất đứng thứ ba thế giới và giá trị kim ngạch xuất khẩu đứng thứ tư thế giới. Theo đánh giá của Hiệp hội Dừa Châu Á - Thái Bình Dương (APCC), tuy diện tích trồng dừa của Việt Nam khoảng 190.000 ha, nhưng tiềm năng thu được tương đương với 1,2 triệu ha, đặc biệt dừa được trồng ở tỉnh Bến Tre (diện tích dừa của Bến Tre chỉ bằng 1% diện tích dừa Indonesia, nhưng giá trị xuất khẩu bằng 8% giá trị xuất khẩu Indonesia).

Số liệu thống kê vào năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, diện tích dừa cả nước đạt khoảng 194.286 ha, tập trung tại các tỉnh duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 88,0% diện tích dừa cả nước với diện tích khoảng 171.0 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng dừa lớn là: Bến Tre 78,0 nghìn ha, Trà Vinh 26,0 nghìn ha, Tiền Giang trên 21,6 nghìn ha, Vĩnh Long trên 10 nghìn ha. Tiếp đến là vùng duyên hải miền Trung: các tỉnh có diện tích dừa lớn: Bình Định 9.388 ha, Quảng Ngãi 2.136 ha, Khánh Hòa 1.602 ha, Phú Yên 1.360 ha. Năng suất dừa Việt Nam đạt 111,8 tạ/ha, với sản lượng đạt 1,93 triệu tấn, sản lượng dừa của Việt Nam tập trung ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm 85,26% sản lượng dừa cả nước.

Trên toàn quốc có khoảng 854 doanh nghiệp sản xuất chế biến các sản phẩm từ dừa, với nhiều loại hình, quy mô hoạt động khác nhau, gồm một số ngành chính như: chế biến vỏ dừa (chỉ xơ dừa, mụn dừa, các sản phẩm sau chỉ), chế biến gáo dừa (than hoạt tính, than thiêu kết, hàng thủ công mỹ nghệ từ dừa), chế biến com

dừa (sơ chế cơm dừa, cơm dừa nạo sấy, sữa dừa, bột sữa dừa, dầu dừa, kẹo dừa, các loại mỹ phẩm từ dừa...), chế biến nước dừa (thạch dừa, nước dừa đóng hộp), chiếm 28,52% tổng số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho hơn 15.000 lao động. Hiện tại có hơn 90 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ dừa.

Sản phẩm dừa Việt Nam và các sản phẩm từ dừa Việt Nam đã có mặt tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Theo Cục Sở hữu trí tuệ, đến nay đã có 2.799 nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu dừa tập thể và Chỉ dẫn địa lý về dừa nộp đơn xin cấp quyền Sở hữu trí tuệ.

Trong năm 2023, dừa tươi của Việt Nam xuất khẩu sang 15 nước trên thế giới với sản lượng 30.000 tấn và 320.000 tấn các sản phẩm chế biến từ dừa. Trong đó sản lượng dừa tươi xuất khẩu sang Trung Quốc tăng hơn 30% nhờ nhu cầu tiêu thụ thực phẩm tươi sạch tăng cao tại thị trường này, đặc biệt là các sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như dừa.

Dừa đang trở thành một trong những cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân tại nhiều tỉnh, thành phố. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030, trong đó xác định cây dừa là 1 trong 6 loại cây công nghiệp chủ lực quốc gia. Theo đề án này, đến năm 2030 diện tích dừa cả nước sẽ đạt khoảng 195.000 - 210.000 ha (trong đó vùng trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long là 170.000 - 175.000 ha); sản lượng 2,1 - 2,3 triệu trái. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ diện tích 16.000 đến 20.000 ha, còn lại 9.000 đến 15.000 ha được trồng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ...

Dừa là cây trồng truyền thống của Bến Tre, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của địa phương. Tính đến năm 2024, diện tích dừa của tỉnh Bến Tre đạt gần 80 nghìn ha, chiếm khoảng 42% diện tích dừa cả nước và khoảng 88% diện tích dừa vùng Đồng bằng sông Cửu Long, sản lượng khoảng 708 triệu trái. Cùng với thế mạnh cây dừa của tỉnh đã có xây dựng chỉ dẫn địa lý dừa xiêm xanh, có sự

hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu dừa tập trung, dừa được sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, sản phẩm được thị trường đánh giá cao về chất lượng, dừa Bến Tre ngày càng khẳng định vị thế ngành hàng chủ lực của tỉnh.

Bến Tre có đa dạng sinh học về giống dừa với năng suất và chất lượng tốt. Các giống dừa uống nước như xiêm xanh, xiêm đỏ có năng suất bình quân đạt từ 100-120 trái/cây/năm, chất lượng nước ngọt được thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng. Dừa của Bến Tre được trồng chủ yếu tại 5 huyện gồm Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú và Bình Đại. Trong đó, 3 huyện Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại đều nằm trong danh mục địa bàn ưu tiên thực hiện chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo của Chính phủ.

Hiện tỉnh có 32 tổ hợp tác và 34 HTX tham gia liên kết chuỗi giá trị với quy mô 13,3 ha và 6,6 nghìn thành viên. Diện tích dừa sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ đạt 20,4 nghìn ha (chiếm khoảng 25% diện tích dừa toàn tỉnh), trong đó diện tích đạt chứng nhận là 13 nghìn ha theo tiêu chuẩn Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan.

Ngành công nghiệp chế biến dừa ở Bến Tre đã tiêu thụ khoảng 85,7% tổng lượng dừa thu hoạch trên địa bàn tỉnh, chiếm tỷ trọng khá lớn trong ngành công nghiệp chế biến và được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Toàn tỉnh có khoảng 180 doanh nghiệp và gần 2,4 nghìn cơ sở sản xuất, chế biến đa dạng các sản phẩm từ dừa. Mỗi năm, các doanh nghiệp trong tỉnh sản xuất khoảng 50.000 tấn cơm dừa nạo sấy, 100 triệu lít nước cốt dừa, 40 triệu lít nước dừa đóng lon, 30.000 tấn chỉ xơ dừa, 12.000 tấn than hoạt tính... qua đó giúp giải quyết việc làm cho khoảng 10.000 lao động.

Một số doanh nghiệp lớn đã có những chứng nhận như ISO 22000:2005, HACCP, HALAL, KOSSHER, BRC, GMP, Hữu cơ được cơ quan FDA của Mỹ cấp mã số FDA và SID, công nghệ chế biến UHT... Các sản phẩm dừa của Bến Tre hiện đã có mặt trên thị trường của hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ, ngày càng đi vào thị trường tiêu chuẩn cao và đầy tiềm năng như châu Âu, Mỹ, Trung Đông. Giá

trị sản xuất, chế biến dừa năm 2023 đạt 3,75 nghìn tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu dừa năm 2023 đạt 420 triệu USD, chiếm 27,45% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã xây dựng và ban hành Kế hoạch về triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bến Tre với mục tiêu phát huy thế mạnh vốn có từ cây dừa, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế của vườn dừa; phát triển diện tích vườn dừa canh tác theo hướng hữu cơ trên cơ sở liên kết chuỗi giá trị bền vững; Đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm dừa thông qua việc chứng nhận hữu cơ, GAP và tương đương; cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói... đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, thời gian qua, tỉnh đã tập trung xây dựng vùng sản xuất tập trung, phát triển chuỗi giá trị cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Cụ thể, các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm dừa ngày càng mở rộng, mô hình sản xuất theo hướng GAP, hữu cơ ngày càng phát triển.

Tỉnh Bến Tre đặt mục tiêu trong giai đoạn 2024 - 2025 sẽ phát triển ổn định 79.000 ha dừa. Xây dựng vùng sản xuất tập trung dừa, gắn với phát triển chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tuần hoàn và chế biến sâu các sản phẩm dừa. Cụ thể, phát triển 1.500 ha dừa hữu cơ, nâng tổng diện tích dừa hữu cơ toàn tỉnh lên 20.000 ha; diện tích dừa được cấp mã số vùng trồng khoảng 2.000 ha; cải tạo 1% vườn dừa kém hiệu quả để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dừa.

Kế hoạch cũng nâng giá trị ngành sản xuất chế biến dừa tăng bình quân từ 17,2%/năm; kim ngạch xuất khẩu dừa tăng bình quân 23,58%/năm, hướng đạt khoảng 1 tỷ USD; đồng thời nghiên cứu xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao, mang nét độc đáo riêng của du lịch sinh thái sông nước xứ dừa.

Giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh sẽ duy trì và phát triển ổn định 80.000 ha dừa. Gồm phát triển 5.000 ha dừa hữu cơ, nâng tổng diện tích dừa hữu cơ lên 25.000 ha; diện tích dừa được cấp mã số vùng trồng khoảng 6.000 ha; cải tạo 5% vườn dừa

kém hiệu quả. Mục tiêu giá trị sản xuất ngành sản xuất chế biến dừa tăng bình quân từ 15,74%/năm; kim ngạch xuất khẩu dừa tăng bình quân 14,87%/năm, đạt khoảng 2 tỷ USD.

Vừa qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ký 3 nghị định thư về xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, trong đó dừa tươi là 1 trong 3 sản phẩm chính thức được xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc. Điều này mở ra triển vọng rất lớn cho sản phẩm dừa tươi của Việt Nam nói chung và tỉnh Bến Tre nói riêng trong tiếp cận thị trường Trung Quốc, đồng thời tạo động lực cho ngành dừa phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo tiêu chuẩn của thị trường.

Thời gian qua, ngành Nông nghiệp quan tâm, chú trọng công tác đánh giá và cấp mã số đối với các vùng trồng dừa tươi có nhu cầu xuất khẩu sang thị trường các nước theo con đường chính ngạch, trong đó dừa tươi của Bến Tre đáp ứng các quy định được nêu trong Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với dừa tươi Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc. Hiện tỉnh Bến Tre đã có 133 mã số vùng trồng dừa, với diện tích gần 8.400 ha, trên 12.800 hộ tham gia và 14 cơ sở đóng gói được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Đây là những con số quan trọng, là vùng nguyên liệu đáp ứng các yêu cầu được nêu trong nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với dừa tươi Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc.

Tỉnh Bến Tre đang tập trung sắp xếp, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, chú trọng chất lượng và chuyên môn hóa, tạo ra những sản phẩm chất lượng cao và tăng cường khả năng cạnh tranh. Phát triển ổn định, bền vững vùng sản xuất tập trung theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, gắn với truy xuất nguồn gốc trên cơ sở liên kết chuỗi giá trị bền vững và xây dựng các sản phẩm OCOP của địa phương.

II. Tình hình xuất khẩu dừa của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024

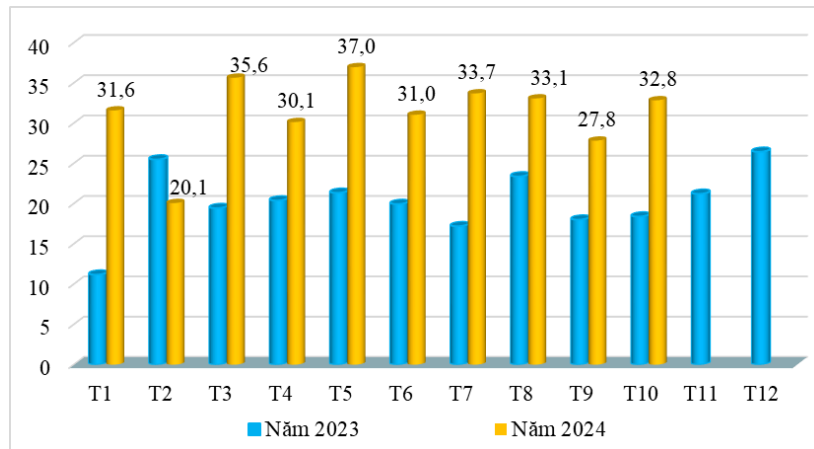
2.1. Tình hình xuất khẩu dừa của Việt Nam

Theo Hiệp hội Dừa Việt Nam, xuất khẩu dừa tươi của Việt Nam mới chỉ hình thành và phát triển trong khoảng 8 năm trở lại đây, nhưng phát triển rất nhanh với kim ngạch xuất khẩu dừa tươi đã tăng gấp 10 lần. Đến nay, trái dừa tươi đã được xuất khẩu tới hơn 40 quốc gia trên thế giới.

Năm 2023, xuất khẩu dừa đạt kim ngạch trên 242 triệu USD. Các thị trường nhập khẩu dừa của Việt Nam chủ yếu là Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Trong đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu dừa lớn nhất của Việt Nam trong năm 2023, chiếm 28,93% tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của cả nước. Đứng thứ hai là thị trường Mỹ, chiếm 20,86% tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của cả nước. Dừa là một trong những mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam, với chất lượng được đánh giá cao trên thị trường quốc tế. Việc ký Nghị định thư xuất khẩu dừa chính ngạch sang Trung Quốc sẽ giúp mặt hàng này có nhiều cơ hội trong thời gian tới.

Từ đầu năm 2024 đến nay, kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm ngoái. Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dừa của Việt Nam đạt hơn 312,9 triệu USD, tăng 60,5% so với cùng kỳ năm 2023, vượt kim ngạch xuất khẩu dừa của cả năm 2023.

Biểu đồ 1:: Kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

2.2. Thị trường xuất khẩu dừa

Trong 10 tháng năm 2024, dừa của Việt Nam được xuất khẩu tới 124 quốc gia trên thế giới. Trong đó, Trung Quốc, Mỹ, Thái Lan, Australia và Ai Cập là 5 thị trường xuất khẩu dừa lớn nhất của Việt Nam. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu dừa sang các thị trường này đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 10 tháng năm 2024, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu dừa lớn nhất của Việt Nam, đạt 76,95 triệu USD, tăng 29,6% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm 24,59% tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam.

Đứng thứ hai là thị trường Mỹ, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dừa của Việt Nam sang Mỹ đạt 59,56 triệu USD, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm 19,04% trong tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam. Mỹ là nước tiêu thụ chính các sản phẩm từ dừa, với nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm chế biến từ dừa như nước dừa, dầu dừa và bột dừa. Mỹ nhập khẩu một lượng lớn dừa quanh năm để phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa.

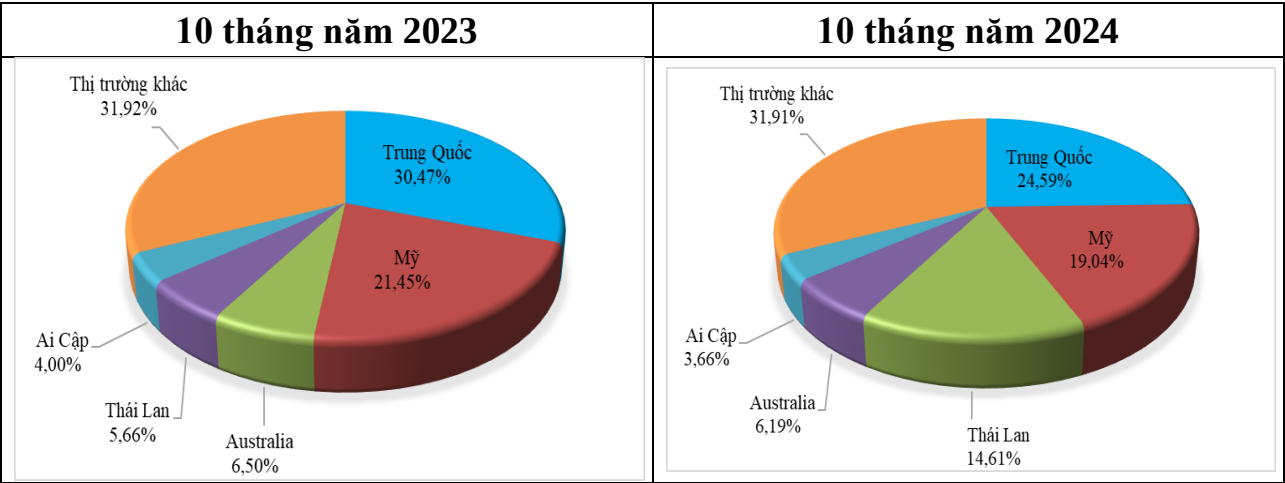
Đứng thứ ba là thị trường Thái Lan, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dừa của Việt Nam sang Thái Lan đạt 45,71 triệu USD, tăng 314,3% so với cùng kỳ năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm 14,61% tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam.

Đứng thứ tư là thị trường Australia, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dừa của Việt Nam sang Australia đạt 19,37 triệu USD, tăng 52,8% so với cùng kỳ năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm 6,19% tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam.

Đứng thứ năm là thị trường Ai Cập, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dừa của Việt Nam sang Ai Cập đạt 11,46 triệu USD, tăng 47% so với cùng kỳ năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm 3,66% tổng kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu dừa của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo kim ngạch)



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Qua số liệu thống kê cho thấy, trong 10 tháng đầu năm 2024, có sự dịch chuyển lớn về thị trường xuất khẩu dừa của Việt Nam. Trong khi xuất khẩu dừa sang một số thị trường như: Chilê, Caledonia, Achentina, Angiêri, Gioocdani giảm so với cùng kỳ năm 2023, thì mức tăng mạnh xuất khẩu lại được ghi nhận tới nhiều thị trường như: Trung Quốc, Mỹ, Thái Lan, Australia, Iran, Ai Cập, UAE, Canada, Ả Rập Xê út, Puerto Rico, Tây Ban Nha, Đài Loan, Hàn Quốc, Mêhicô, Nga, Đức... Tuy nhiên, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu dừa sang các thị trường chủ lực như Trung Quốc, Mỹ đều thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 1: Thị trường xuất khẩu dừa của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 10/2024 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
						10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2024
Tổng	32.844	18,0	78,4	312.906	60,5	100	100
Trung Quốc	7.179	9,8	100,6	76.952	29,6	30,47	24,59
Mỹ	6.902	23,5	22,2	59.566	42,5	21,45	19,04
Thái Lan	3.062	-23,3	48,6	45.716	314,3	5,66	14,61
Australia	2.469	40,1	76,8	19.370	52,8	6,50	6,19
Iran	1.228	230,7	365,0	3.281	252,1	0,48	1,05
Ai Cập	1.221	72,2	347,5	11.465	47,0	4,00	3,66
UAE	1.183	13,1	249,0	7.957	150,4	1,63	2,54
Canada	1.152	24,6	176,9	8.038	118,2	1,89	2,57
Ả Rập Xê út	657	33,5	180,4	6.162	106,8	1,53	1,97
Puerto Rico	549	15,5	264,8	2.067	253,3	0,30	0,66
Tây Ban Nha	494	89,1	231,2	3.497	35,0	1,33	1,12
Đài Loan	474	-39,6	16,6	5.755	45,8	2,03	1,84
Hàn Quốc	406	-34,6	-1,5	6.408	31,3	2,50	2,05
Gioocdani	389	345,2		824	-22,8	0,55	0,26
Hà Lan	365	19,7	31,2	6.809	74,6	2,00	2,18
Thổ Nhĩ Kỳ	360	610,6	414,1	2.741	83,0	0,77	0,88
Braxin	358	827,2		1.573	83,4	0,44	0,50
Cuba	316	463,8		896	297,9	0,12	0,29
Mêhicô	311	85,9	665,9	1.592	177,0	0,29	0,51
Nga	309	-23,6	161,9	2.530	102,5	0,64	0,81
Singapore	304	20,8	62,0	2.557	15,0	1,14	0,82
Đức	276	-47,1	139,8	2.664	117,2	0,63	0,85
New Zealand	257	305,2	261,5	1.660	129,7	0,37	0,53
Angiêri	226	298,1	19,6	907	-35,2	0,72	0,29
Nhật Bản	169	-10,0	-8,8	2.292	3,6	1,14	0,73
Nam Phi	163	167,9	-47,4	2.025	-20,4	1,31	0,65
Anh	140	-36,2	101,1	1.864	123,5	0,43	0,60
Malaysia	139	51,8	108,1	932	114,4	0,22	0,30
Ấn Độ	129	57,5	512,3	800	748,7	0,05	0,26
Dominica	128		460,4	363	134,7	0,08	0,12
Achentina	127	57,0	271,3	1.065	-24,5	0,72	0,34
Urugoay	118	168,0	238,7	1.547	84,6	0,43	0,49
Kô-eot	91	52,9	136,0	790	57,5	0,26	0,25
Pháp	90	-40,8	90,8	1.275	68,7	0,39	0,41
Hồng Kông	88	-1,2	43,0	851	27,7	0,34	0,27

Thị trường	Tháng 10/2024 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
						10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2024
Angôla	87	-7,5		337	7,7	0,16	0,11
Israel	82	-26,0		829	100,9	0,21	0,26
Pêru	69			847		-	0,27
Goatêmalà	65	125,5	-21,3	243	39,3	0,09	0,08
Qata	62	173,0	36,7	416	41,0	0,15	0,13
Campuchia	60	-51,0		294	18.487,1	0,00	0,09
Philippin	57	51,7	-11,1	397	94,4	0,10	0,13
Chilê	55	107,1	335,8	786	-19,8	0,50	0,25
Lào	52	53,7		272	224,4	0,04	0,09
Kenya	47	158,5	169,1	240	90,3	0,06	0,08
Na Uy	30		38,5	164	27,9	0,07	0,05
Libya	29		-84,0	241	-56,7	0,29	0,08
Caledonia	26	-33,3	-86,9	1.233	-59,1	1,54	0,39
Paragoay	25		-38,9	120	-25,6	0,08	0,04
Thụy Sĩ	23			47	-4,5	0,03	0,01
Xê-nê-gan	22	-81,4	-53,2	768	384,4	0,08	0,25
Đan Mạch	22	165,1		196	-48,5	0,20	0,06
Bangladet	21	-50,9		1.620	96,1	0,42	0,52
Bồ Đào Nha	21	-1,0	-27,0	300	946,7	0,01	0,10
Curacao	20			20		-	0,01
Baren	20	105,2	32,3	151	11,9	0,07	0,05
Aruba	17	9,0		62	27,3	0,02	0,02
Thụy Điển	17	-41,5	47,3	104	29,3	0,04	0,03
Slovenia	14			51	341,7	0,01	0,02
Phần Lan	13		-20,8	122	10,3	0,06	0,04
Côtxta Rica	13			216		-	0,07
Bỉ	12	146,2	-67,1	143	-28,5	0,10	0,05
Brunei	12	-50,3		134	9,7	0,06	0,04
Lítva	5	-77,8	853,6	167	331,0	0,02	0,05
Gana	4			21		-	0,01
Xây-sen	3			3		-	0,00
Mô-ri-tiutx	2	-66,7		65	219,7	0,01	0,02
Tanzania	1			1		-	0,00
Trinidad & Tobago	1			1		-	0,00
Ba Lan				3.415	383,0	0,36	1,09
Marôc				572	-1,1	0,30	0,18
Cô-lôm-bia				452	118,5	0,11	0,14
Papua New Guinea				432	35,3	0,16	0,14

Thị trường	Tháng 10/2024 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
						10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2024
Li Băng				284	33,8	0,11	0,09
Georgia				257	42,5	0,09	0,08
Rumani				219	120,4	0,05	0,07
Italia				208	2,4	0,10	0,07
Yêmen				184	-78,3	0,43	0,06
Sip				173		-	0,06
Séc				157	-6,3	0,09	0,05
Irắc				155	-71,5	0,28	0,05
Nêpan				151	3,7	0,07	0,05
Indonesia				84	151,5	0,02	0,03
Hy Lạp				82	171,7	0,02	0,03
Croatia				54	-35,5	0,04	0,02
Vê-nê-duê-la				48	-67,0	0,07	0,02
Panama				47		-	0,02
Guam				46	9,0	0,02	0,01
Bungari				44	75,5	0,01	0,01
Quần đảo Cook				41	22,3	0,02	0,01
Ni-giê-ri-a				36	89,6	0,01	0,01
Ê-cu-a-do				34	118,6	0,01	0,01
Ghinê				29		-	0,01
Uganda				27		-	0,01
Guyan				21		-	0,01
Công Gô				18		-	0,01
Albania				17	-93,1	0,13	0,01
Estonia				16	-54,0	0,02	0,01
Maldives				16		-	0,01
Reunion				16	123,5	0,00	0,01
Phigi				14		-	0,00
Uzbekistan				10		-	0,00
Netherlands Antilles				10		-	0,00
Bê-larút				10		-	0,00
Oman				9	55,7	0,00	0,00
Đông Timo				7		-	0,00
Manta				6	45,4	0,00	0,00
American Samoa				5		-	0,00
Áo				4		-	0,00
Bac-ă-đô-t				4	44,0	0,00	0,00

Thị trường	Tháng 10/2024 (nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
						10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2024
Băng Đảo				4		-	0,00
Gabông				3		-	0,00
Camêrun				3		-	0,00
Gambia				2		-	0,00
Đảo Solomon				2	-1,2	0,00	0,00
Kazakhstan				2	-93,5	0,01	0,00
Benin				2		-	0,00
Mayotte				2	-33,4	0,00	0,00
Guadeloupe				1		-	0,00
Pakixtan				1	-96,8	0,01	0,00
Quần đảo Bắc Mariana				1	-62,5	0,00	0,00
Mông Cổ				1		-	0,00
Bờ Biển Ngà				1	-26,7	0,00	0,00
Kiribati				1		-	0,00

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

III. Đánh giá triển vọng xuất khẩu dừa của Việt Nam trong thời gian tới

3.1. Dung lượng thị trường nhập khẩu dừa của Trung Quốc

Nhu cầu tiêu thụ dừa hàng năm của thị trường Trung Quốc rất lớn, đạt hơn 4 tỷ trái dừa, trong đó có khoảng 2,6 tỷ trái dừa tươi, còn lại phục vụ chế biến. Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, giai đoạn 2019-2023, nhập khẩu dừa của thị trường Trung Quốc tăng trưởng bình quân 22,71%/năm. Đặc biệt trong 2 năm 2022 và 2023, lượng dừa nhập khẩu liên tục đạt mức cao kỷ lục, lần lượt là 1,09 triệu tấn và 1,22 triệu tấn.

Tuy nhiên, nhập khẩu dừa của Trung Quốc trong các tháng đầu năm 2024 đang có xu hướng giảm. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 9 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu dừa từ 8 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các nguồn cung dừa chủ yếu cho Trung Quốc gồm: Indonesia, Thái Lan và Việt Nam, thị phần chiếm 96,48% tổng lượng dừa nhập khẩu của Trung Quốc.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là nguồn cung dừa lớn thứ ba cho Trung Quốc, đạt hơn 129,78 nghìn tấn, trị giá 37,45 triệu USD, giảm 31,8% về lượng và giảm 21,3% về trị giá so cùng kỳ năm 2023. Thị phần trái dừa Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm nhẹ từ 20,24% trong 9 tháng đầu năm 2023, xuống còn 19,5% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Tuy nhiên, việc Trung Quốc giảm nhập khẩu dừa Việt Nam chỉ là trong ngắn hạn bởi Trung Quốc đã đồng ý cấp phép xuất khẩu chính ngạch đối với trái dừa tươi của Việt Nam từ ngày 19/8/2024. Điều này mở ra cơ hội rất lớn cho ngành dừa Việt Nam tiếp cận vào thị trường tiềm năng lớn này. Bởi đây là thị trường có khoảng cách địa lý rất gần, thời gian vận chuyển ngắn với chi phí thấp nên sản phẩm sẽ cạnh tranh được với nguồn cung cấp đến từ các quốc gia khác.

Trung Quốc cũng giảm nhập khẩu dừa của Thái Lan trong 9 tháng đầu năm 2024, trong khi tăng nhập khẩu từ Indonesia với 282,78 nghìn tấn, trị giá 82,73 triệu USD, tăng 7,1% về lượng và tăng 16,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần trái dừa Indonesia trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng mạnh từ 28,08% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên 42,49% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bảng 2: Nguồn cung dừa chủ yếu cho thị trường Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	9 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	665.684	348.655	-29,2	-29,3	100	100	100	100
Indonesia	282.878	82.731	7,1	16,5	28,08	14,40	42,49	23,73
Thái Lan	229.559	210.353	-51,7	-42,1	50,55	73,68	34,48	60,33
Việt Nam	129.788	37.450	-31,8	-21,3	20,24	9,64	19,50	10,74
Philippin	21.944	16.673	118,9	60,3	1,07	2,11	3,30	4,78
Campuchia	922	541			-	-	0,14	0,16
Malaysia	516	695	0,6	-3,5	0,05	0,15	0,08	0,20
Sri Lanka	77	207	50,6	62,0	0,01	0,03	0,01	0,06
Mỹ	1	5	49,2	40,3	0,00	0,00	0,00	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

+ Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu:

Hiện Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu chủng loại dừa có lớp vỏ bên trong (HS 08011200), lượng đạt 641,72 nghìn tấn, trị giá 321,41 triệu USD, giảm 29,7% về lượng và giảm 31,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Mặt hàng này chiếm 96,4% về lượng và chiếm 92,19% về trị giá trong tổng nhập khẩu dừa của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024. Ngoài ra, Trung Quốc nhập khẩu cơm dừa sấy khô, tuy nhiên lượng nhập khẩu không đáng kể.

Bảng 3: Các chủng loại dừa nhập khẩu của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	9 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Dừa có lớp vỏ bên trong (HS 08011200)	641.726	321.413	-29,7	-31,1	100	100	100	100
Indonesia	268.890	71.477	8,4	22,6	27,17	12,50	41,90	22,24
Thái Lan	229.558	210.350	-51,7	-42,1	52,04	77,87	35,77	65,45
Việt Nam	128.108	35.026	-31,4	-20,2	20,46	9,41	19,96	10,90
Philippin	14.048	3.858	376,5	308,5	0,32	0,20	2,19	1,20
Campuchia	922	541			-	-	0,14	0,17
Malaysia	201	161	269,0	319,8	0,01	0,01	0,03	0,05
Cơm dừa sấy khô (HS 08011100)	23.954	27.228	-11,9	2,1	100	100	100	100
Indonesia	13.988	11.254	-12,8	-11,6	59,00	47,75	58,40	41,33
Philippin	7.896	12.815	11,6	35,5	26,02	35,45	32,96	47,07
Việt Nam	1.681	2.423	-52,8	-33,9	13,10	13,75	7,02	8,90
Malaysia	312	521	-32,0	-23,6	1,69	2,56	1,30	1,91
Sri Lanka	77	207	50,6	62,0	0,19	0,48	0,32	0,76
Mỹ	1	5	49,2	40,3	0,00	0,01	0,00	0,02
Thái Lan	0	3	178,0	143,4	0,00	0,00	0,00	0,01
Dừa khác (HS 08011990)	4	14	-99,1	-95,7	100	100	100	100
Malaysia	3,3	13,2			-	-	90,15	97,34
Thái Lan	0,36	0,36	-99,9	-99,9	100,00	100,00	9,85	2,66

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

3.2. Dự báo xuất khẩu dừa trong thời gian tới

Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dừa của Việt Nam đạt 242 triệu USD, trong đó, dừa tươi đạt 91 triệu USD và dừa chế biến đạt 151 triệu USD. Tuy nhiên, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dừa của Việt Nam đã đạt trên 312,9 triệu USD, với việc mở cửa thị trường Trung Quốc đối với trái dừa tươi, dự báo kim ngạch xuất khẩu dừa năm nay sẽ đạt khoảng 380 triệu USD.

Hiện nhu cầu tiêu thụ sản phẩm từ dừa trên thế giới ngày càng tăng, các sản phẩm chế biến từ dừa như: kẹo dừa, dầu dừa, chỉ dừa, than hoạt tính được xuất khẩu với khối lượng và kim ngạch ngày càng tăng. Theo Hiệp hội dừa Châu Á-Thái bình Dương, xu thế sử dụng sản phẩm chế biến từ dừa đến năm 2025 tăng 10% (giai đoạn 2020-2025). Không chỉ chế biến sản phẩm thực phẩm, nhiều quốc gia đầu tư để tạo ra nhiều sản phẩm như: dược phẩm, mỹ phẩm, trang trí, du lịch...

Mặc dù diện tích và sản lượng dừa của nước ta còn khá khiêm tốn so với các nước trên thế giới (đứng thứ 7/10 các nước sản xuất dừa lớn nhất thế giới năm 2022 với diện tích chiếm khoảng 1,6% và sản lượng chiếm 3,1%), nhưng vẫn có nhiều tiềm năng để nâng cao khối lượng và kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới. Các sản phẩm từ dừa được xuất khẩu sang châu Á chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp đến là châu Âu, châu Mỹ, thị trường Trung Quốc; các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc tăng nhanh đang hứa hẹn xu thế mới của ngành dừa Việt Nam.

Trong khi đó, tháng 8/2024, Việt Nam vừa được cấp phép xuất khẩu chính ngạch trái dừa tươi sang Trung Quốc, kỳ vọng sẽ mở ra cơ hội tăng trưởng mạnh trong thời gian tới nhờ thị trường tỉ dân này. Theo Hiệp hội Dừa Việt Nam (VCA), kể từ khi dừa tươi được phép xuất khẩu sang Trung Quốc, các công ty lớn đã ký hợp đồng cung cấp 30-50 container, thậm chí có công ty ký hợp đồng cung cấp 1.500 container. Với việc ký kết Nghị định thư cho phép trái dừa xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc, dự kiến kim ngạch xuất khẩu dừa tươi năm nay sẽ tăng trưởng khả quan hơn so với năm ngoái. Tuy nhiên, để dừa tươi Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc, doanh nghiệp phải tuân thủ quy định và tiêu chuẩn liên quan đến

an toàn và vệ sinh thực phẩm, không bị nhiễm các đối tượng kiểm dịch thực vật mà phía Trung Quốc quan tâm.

Trung Quốc, một đất nước với diện tích rộng lớn và nền nông nghiệp phát triển với đa dạng các loại cây trồng khác nhau và đương nhiên trong đó cũng có dừa tươi. Tuy nhiên sản lượng dừa hàng năm của Trung Quốc chỉ đạt khoảng 300 triệu quả, đây là con số khá nhỏ so với nhu cầu tiêu thụ của hơn 1,4 tỷ dân số nơi đây.

Cũng chính vì điều này bắt buộc Trung Quốc phải nhập khẩu thêm lượng lớn dừa tươi từ các quốc gia khác, trong đó thị trường Đông Nam Á chiếm phần lớn. Cụ thể, Việt Nam, Indonesia và Thái Lan là 3 nước chủ lực trong việc đáp ứng nhu cầu dừa tươi của Trung Quốc, Việt Nam cũng đứng thứ 7 về sản xuất dừa tươi trên thế giới. Ngoài dừa tươi, Trung Quốc còn ưa chuộng các sản phẩm chế biến như sữa dừa, nước dừa, dừa khô và thạch dừa.

Hiện tại Việt Nam có hơn 180.000 ha đất nông nghiệp được sử dụng để trồng dừa, đa số tập trung các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung như Bến Tre, Trà Vinh... Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt, nhưng Trung Quốc vẫn là một thị trường tiêu thụ dừa với tiềm năng lớn. Không có thị trường nào có sức tiêu thụ mạnh mẽ và chi trả cho thực phẩm cao cấp như nơi đây.

Tuy nhiên, xuất khẩu dừa sang Trung Quốc vẫn gặp những rủi ro trong việc đáp ứng nhu cầu quá lớn của thị trường này. Bởi lẽ thị trường thế giới chỉ định vị dừa là loại trái để uống nước. Trong khi thực tế tại vùng nguyên liệu dừa của Việt Nam có 2 loại: dừa cho trái uống nước và dừa công nghiệp để sản xuất các sản phẩm như sữa dừa, dầu dừa... Hai loại dừa này cũng có đặc điểm khác nhau. Dừa uống nước cứ sau 21-22 ngày phải thu hoạch 1 đợt, nếu để lâu hơn, cây dừa sẽ không ra trái. Trong khi dừa công nghiệp có thời gian thu hoạch lên tới vài tháng, nếu thu hoạch non, cây dừa công nghiệp cũng sẽ bị hiện tượng không ra trái.

Trong khi đó, nhu cầu dừa uống nước của thị trường Trung Quốc chỉ tập trung vào giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 7 hàng năm. Thời điểm này, nhu cầu dừa tươi sẽ rất cao, trong khi các tháng còn lại hầu như không có nhu cầu. Điều này đồng nghĩa với việc trong giai đoạn cao điểm, thị trường dừa tươi có thể thiếu hàng, thậm chí có nguy cơ khai thác cả dừa công nghiệp để cung cấp cho các thương lái, dẫn tới rủi ro sụt giảm năng suất, thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến dừa công nghiệp. Trong khi đó, các doanh nghiệp xuất khẩu dừa tươi cũng chịu rủi ro giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, ảnh hưởng đến việc cung ứng cho các thị trường hiện hữu đã xuất khẩu trong nhiều năm qua như Mỹ, châu Âu, Australia...

Thực tế này cho thấy, việc khai thác hiệu quả tiềm năng từ thị trường Trung Quốc là một bài toán không dễ đối với các doanh nghiệp ngành dừa, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sự tính toán kỹ càng và thận trọng. Tiềm năng đối với mặt hàng dừa của Việt Nam còn rất lớn. Hiện nước ta nằm trong nhóm 10 quốc gia sản xuất dừa lớn nhất thế giới. Để nâng cao giá trị cho các sản phẩm dừa, các địa phương và doanh nghiệp cần nâng cao giá trị gia tăng bằng việc bổ sung sản phẩm chế biến từ dừa như cơm dừa sấy khô, sợi, kẹo, lưới sợi, thạch, cơm dừa sấy khô, nước cốt dừa.

3.3. Tiêu chuẩn nhập khẩu dừa thị trường Trung Quốc

Để xuất khẩu dừa tươi từ Việt Nam sang Trung Quốc một cách an toàn, trên cơ sở phân tích nguy cơ dịch hại, Tổng cục Hải quan nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “GACC”) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “MARD”), đã trao đổi đàm phán và đi đến thống nhất như sau:

Điều 1: Đặc điểm

Dừa tươi (*Cocos nucifera*, sau đây gọi tắt là “quả Dừa” hoặc “các quả Dừa”) xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc phải tuân thủ các luật, quy định, tiêu

chuẩn an toàn và vệ sinh có liên quan của Trung Quốc và các yêu cầu kiểm dịch thực vật được nêu trong tài liệu này, và không nhiễm các loài tối tượng kiểm dịch thực vật của Trung Quốc (tại Phụ lục kèm theo), cành, lá và đất.

Nghị định thư này chỉ bao gồm các yêu cầu kiểm dịch thực vật. Các tiêu chuẩn và yêu cầu khác như các tiêu chuẩn và yêu cầu liên quan đến sức khỏe con người (ví dụ: tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc) không có trong Nghị định thư này cũng có thể áp dụng cho dứa Việt Nam.

Điều 2: Đăng ký

Tất cả các vùng trồng và cơ sở đóng gói muốn xuất khẩu dứa sang Trung Quốc, phải được đăng ký bởi MARD và được cả GACC và MARD phê duyệt. Thông tin đăng ký phải bao gồm tên, địa chỉ và số đăng ký, để bất cứ khi nào phát hiện bất kỳ lô hàng nào không tuân thủ các yêu cầu trong tài liệu này, thì có thể được truy xuất nguồn gốc một cách chính xác. Danh sách đăng ký cập nhật sẽ được MARD chuyển đến GACC trước mỗi mùa xuất khẩu, và sau đó GACC sẽ công bố danh sách trên trang web của mình sau khi phê duyệt.

Điều 3: Quản lý vùng trồng

Dưới sự giám sát của MARD, tất cả các vùng trồng đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc phải thiết lập hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống truy xuất nguồn gốc, áp dụng Thực hành nông nghiệp tốt và giữ điều kiện vệ sinh tốt, ví dụ: duy trì môi trường sản xuất trái cây tốt cách xa nguồn ô nhiễm, loại bỏ lá và quả bị rụng kịp thời. Các chương trình Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) cũng sẽ được thực hiện, bao gồm giám sát dịch hại thường xuyên; kiểm soát vật lý, hóa học hoặc sinh học của sâu bệnh, vv, để tránh hoặc giảm thiểu sự xuất hiện của các loài đối tượng kiểm dịch mà Trung Quốc quan tâm trên dứa.

Theo Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật 6, MARD sẽ vận hành một kế hoạch quản lý để tổ chức hoạt động giám sát vùng trồng với các loài đối tượng kiểm dịch mà Trung Quốc quan tâm (tại Phụ lục kèm theo). Để theo

đổi và nắm bắt sâu bệnh, các phương pháp hóa lý bên cạnh kiểm tra trực quan cũng sẽ được sử dụng tại vùng trồng. Đối với các loài rệp sáp, vùng trồng phải được theo dõi ít nhất 15 ngày một lần, tập trung vào sự xuất hiện của rệp sáp trên quả, thân và lá.

Nếu phát hiện các loài đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc các triệu chứng tương ứng, MARD sẽ ngay lập tức thực hiện các biện pháp quản lý toàn diện, bao gồm kiểm soát hóa học, vật lý và sinh học..., để đảm bảo rằng dứa xuất khẩu sang Trung Quốc không có các loài đối tượng kiểm dịch mà Trung Quốc quan tâm. Các biện pháp quản lý toàn diện đối với các loài gây hại này phải được MARD phê duyệt và do MARD cung cấp cho GACC theo yêu cầu trước khi bắt đầu thương mại.

Việc giám sát và kiểm soát dịch hại phải được thực hiện dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật am hiểu về kiểm dịch thực vật, và cán bộ kỹ thuật phải được đào tạo bởi MARD hoặc tổ chức do MARD ủy quyền.

Tất cả vùng trồng phải lưu giữ hồ sơ giám sát và kiểm soát dịch hại, cung cấp cho GACC khi có yêu cầu. Hồ sơ ghi chép kiểm soát dịch hại bằng biện pháp hóa học phải ghi thông tin cụ thể, bao gồm tên, hoạt chất, ngày áp dụng và liều lượng của hóa chất nông nghiệp được sử dụng.

Điều 4: Đóng gói và chế biến

Việc chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển dứa để xuất khẩu sang Trung Quốc phải được giám sát bởi MARD hoặc nhân viên được ủy quyền của MARD.

Các cơ sở đóng gói phải có nền cứng, được vệ sinh sạch sẽ, có vùng nguyên liệu và kho thành phẩm.

Khu vực chế biến, xử lý, bảo quản và các khu chức năng khác của dứa xuất khẩu sang Trung Quốc phải tương đối độc lập nhau, bố trí hợp lý, tách biệt với khu vực sinh sống.

Trong quá trình đóng gói, dứa phải được lựa chọn, phân loại và làm sạch để loại bỏ trái cây, lá, thân cây bị bệnh, thối hoặc biến dạng hoặc các mảnh vụn thực vật và đất khác.

Vật liệu đóng gói phải sạch, hợp vệ sinh, không sử dụng và tuân thủ các yêu cầu kiểm dịch thực vật và vệ sinh của Trung Quốc. Vật liệu đóng gói bằng gỗ được sử dụng phải tuân thủ Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật 15 (ISPM 15).

Nếu dứa đã hoàn thành đóng gói chưa xuất khẩu thì phải đưa vào kho bảo quản ngay và phải bảo quản riêng để tránh sâu bệnh thứ cấp.

Mỗi hộp phải được dán nhãn bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh với tên trái cây, giống, nơi sản xuất (quận, tỉnh), tên hoặc số đăng ký vườn cây và nhà đóng gói, v.v. Trên mỗi hộp và pallet phải được ghi bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh: “Exported to the People’s Republic of China “(输往中华人民共和国).

Các container hoặc xe tải vận chuyển dứa để xuất khẩu sang Trung Quốc phải được kiểm tra độ sạch trước khi bốc hàng. Container hoặc xe tải phải được niêm phong và dấu niêm phong phải còn nguyên vẹn khi đến Trung Quốc.

Các cơ sở đóng gói đã đăng ký phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc để đảm bảo rằng dứa xuất khẩu sang Trung Quốc có thể được truy xuất nguồn gốc từ các vùng trồng đã đăng ký, bao gồm hồ sơ về ngày chế biến và đóng gói, tên vùng trồng hoặc mã số, số lượng, ngày xuất khẩu, nước nhập khẩu, số container hoặc số phương tiện vận chuyển và các thông tin cần thiết khác.

Điều 5: Kiểm tra và kiểm dịch trước khi xuất khẩu

Trước khi xuất khẩu, MARD phải lấy mẫu 2% dứa từ mỗi lô hàng xuất khẩu sang Trung Quốc để kiểm tra kiểm dịch thực vật. Nếu không có vấn đề kiểm dịch nào được phát hiện trong thời gian hai năm, lượng lấy mẫu sẽ giảm xuống còn 1%.

Nếu phát hiện có bất kỳ sinh vật sống nào của các loài gây hại kiểm dịch liên quan đến Trung Quốc, cành, lá, cuống quả hoặc đất, lô hàng sẽ không được xuất

khẩu sang Trung Quốc và vùng trồng và/hoặc cơ sở đóng gói có liên quan sẽ bị đình chỉ xuất khẩu dừa sang Trung Quốc. MARD phải tiến hành điều tra nguyên nhân và thực hiện các biện khắc phục, cũng như lưu giữ hồ sơ không tuân thủ để cung cấp cho GACC theo yêu cầu.

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra kiểm dịch, MARD sẽ cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho lô hàng đã được thông qua theo Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật số 12 (ISPM 12), trong đó có tên hoặc số đăng ký vùng trồng và cơ sở đóng gói. Trong mục khai báo bổ sung phải ghi dòng chữ: “This consignment complies with requirements specified in the Protocol of Phytosanitary Requirements for Export of Fresh Coconuts from Viet Nam to China, and is free from the quarantine pests of concern to China.”

Điều 6: Kiểm tra và kiểm dịch tại cửa khẩu nhập

Dừa của Việt Nam sẽ được nhập khẩu qua các cửa khẩu của Trung Quốc được GACC cho phép nhập khẩu trái cây.

Khi dừa đến cửa khẩu nhập ở Trung Quốc, Hải quan Trung Quốc sẽ kiểm tra các giấy tờ và nhãn mác liên quan để hoàn thành quá trình kiểm tra kiểm dịch.

Nếu phát hiện dừa từ vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói chưa được cấp mã số, lô hàng sẽ bị từ chối nhập khẩu.

Nếu phát hiện bất kỳ sinh vật gây hại sống nào thuộc đối tượng kiểm dịch Trung Quốc hoặc hoặc các loài gây hại kiểm dịch mới đã có báo cáo ở Việt Nam, hoặc phát hiện đất, cành, lá, cuống hoa, các mảnh vụn thực vật khác, lô hàng sẽ được xử lý, trả lại hoặc tiêu hủy.

Nếu phát hiện lô hàng không phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của Trung Quốc, lô hàng sẽ bị trả lại hoặc tiêu hủy.

GACC sẽ thông báo cho MARD bất kỳ hành vi không tuân thủ nào được mô tả ở trên và đình chỉ việc nhập khẩu dừa từ các vùng trồng và/hoặc cơ sở đóng gói có liên quan khi phù hợp. MARD phải điều tra nguyên nhân của việc không tuân

thủ và yêu cầu vùng trồng và/hoặc cơ sở đóng gói có liên quan khắc phục cho đến khi các biện pháp này được thực hiện một cách hiệu quả và được GACC chấp nhận.

Điều 7: Kiểm tra việc tuân thủ

Trong năm đầu tiên thực hiện Nghị định thư này, theo thỏa thuận của cả hai Bên, GACC có thể tiến hành kiểm tra việc tuân thủ bằng cách kiểm tra tại chỗ hoặc trực tuyến tại vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói dứa ở Việt Nam, để xác nhận xem hệ thống quản lý dứa xuất khẩu sang Trung Quốc có phù hợp với các yêu cầu của Nghị định thư này hay không.

Bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc kiểm tra tại chỗ nói trên, bao gồm cả việc đi lại quốc tế, chi phí ăn ở, sẽ do phía Việt Nam chi trả.

Điều 8: Đánh giá bổ sung

Trên cơ sở tình trạng sinh vật gây hại ở Việt Nam và kết quả phát hiện dịch hại tại cửa khẩu nhập của Trung Quốc, GACC sẽ tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại bổ sung, đồng thời điều chỉnh danh sách các loài đối tượng kiểm dịch mà Trung Quốc quan tâm cũng như các biện pháp kiểm dịch tương ứng theo thỏa thuận với MARD. Trong trường hợp cần thiết, GACC có thể tiến hành đánh giá bổ sung Nghị định thư này, bao gồm cả việc cử chuyên gia đến Việt Nam kiểm tra tại chỗ.

Điều 9: Sửa đổi, Hiệu lực và Chấm dứt

Các điều khoản của Nghị định thư này có thể được sửa đổi sau khi các bên đã đạt được thỏa thuận bằng văn bản. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt Nghị định thư thì phải thông báo cho bên kia bằng văn bản ít nhất sáu tháng trước ngày đề xuất chấm dứt.

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và có hiệu lực trong ba năm kể từ ngày ký. Nếu cả hai bên không có yêu cầu sửa đổi hoặc chấm dứt nào được thực hiện trong vòng sáu tháng trước khi hết hiệu lực, Nghị định thư này sẽ được gia hạn tự động và liên tục trong ba năm.